

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-01-2025
“V/v Tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền
Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 759/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2024 về việc “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn T, Sinh năm 1971 (xin vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: Bà Trần Kim T1, Sinh năm 1974 (xin vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Đoàn Văn T trình bày: Về hôn nhân ông và bà Thùy C1 sống từ năm 1994 không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp, ông yêu cầu ly hôn với bà Thùy Con chung: Có ba người con chung: Cháu Đoàn Mỹ Tiên sinh năm 1993, đoàn Văn T2 sinh năm 1995, Đoàn Chí T3 sinh năm 2002; các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Kim T1 trình bày:

Về hôn nhân và con như ông T trình bày là đúng, ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Con chung: Có ba người con chung: Cháu Đoàn Mỹ Tiên sinh năm 1993, đoàn Văn T2 sinh năm 1995, Đoàn Chí T3 sinh năm 2002; các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn ông T, bà T1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ở các phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đoàn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Kim T1, bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự “*Tranh chấp xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vắng mặt đương sự: Ông T, bà T1 xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Ông Đoàn Văn T và bà Trần Kim Thùy C1 sống với nhau không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T yêu cầu ly hôn với bà T1. Hội đồng xét xử thấy rằng ông T, bà Thùy C1 sống với nhau không có đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của ông bà không hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Văn T và bà Trần Kim T1.

Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.2] *Xét về quan hệ tài sản, nợ:* Ông T và bà T1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này giữa các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] *Xét về án phí:* Ông T là người yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vĩ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đoàn Văn T và bà Trần Kim T1.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Đoàn Văn T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, ông T đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0005063 ngày 24/12/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Len